

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 153/2023/QĐST-DS

An Nhơn, ngày 21 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 141/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015,

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Ngô Thị H** sinh năm 1960

Địa chỉ: **Số nhà D T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định**

* **Bị đơn:** Ông **Bùi Ngọc A** sinh năm 1970

Bà **Đặng Thị N** sinh năm 1974

Địa chỉ: **Số nhà B P, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định vợ chồng ông **Bùi Ngọc A** - bà **Đặng Thị N** còn nợ bà **Ngô Thị H** số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), trong đó tiền vay gốc 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) và tiền lãi 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)

2.2. Về phương thức và thời hạn trả tiền:

Số tiền ông **Bùi Ngọc A** - bà **Đặng Thị N** còn nợ bà **Ngô Thị H** là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), vợ chồng ông **Bùi Ngọc A** – bà **Đặng Thị N** có trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ trả cho bà **Ngô Thị H**, số tiền trả mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), trả vào ngày 15 hàng tháng, kể từ ngày 15/12/2023 cho đến khi trả hết số tiền nợ trên.

Đến thời hạn trả nợ mà vợ chồng ông **Bùi Ngọc A** – bà **Đặng Thị N** không trả tiền hoặc trả không đầy đủ số tiền cho bà **H** như thỏa thuận thì phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tại thời điểm vi phạm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông **Bùi Ngọc A** - bà **Đặng Thị N** phải chịu 2.750.000 (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà **Ngô Thị H** là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.”

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kiều Oanh

